



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

---

## ĐIỀU LỆ

### TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

(Đã được ĐHĐCD thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2023)

---

Trụ sở chính: 33 Yersin, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, TP. HCM

ĐT: (028) 39 142 686 – Fax: (028) 39 142 685

Email: [info@vtbenthanh.com](mailto:info@vtbenthanh.com)

Website: [www.sunimex-material.com.vn](http://www.sunimex-material.com.vn)

## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I.....</b>	<b>5</b>
<b>ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>5</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	5
<b>CHƯƠNG II.....</b>	<b>6</b>
<b>TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	6
<b>CHƯƠNG III .....</b>	<b>7</b>
<b>MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY...7</b>	<b>7</b>
Điều 3. Mục tiêu.....	7
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh.....	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động .....	9
<b>CHƯƠNG IV.....</b>	<b>10</b>
<b>VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....10</b>	<b>10</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần.....	10
Điều 7. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần .....	10
Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông .....	11
Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	11
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần .....	11
<b>CHƯƠNG V .....</b>	<b>12</b>
<b>CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>	<b>12</b>
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát.....	12
<b>CHƯƠNG VI.....</b>	<b>12</b>
<b>CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>	<b>12</b>
Điều 12. Quyền của cổ đông .....	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....	14
Điều 14. ĐHĐCĐ .....	14
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ .....	16
Điều 16. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ.....	17

Điều lệ Công Ty Cổ Phần Vật Tư Bến Thành sửa đổi, bổ sung năm 2023.

Điều 17. Thông báo mời họp và chương trình họp ĐHĐCĐ .....	18
Điều 18. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ .....	19
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ .....	19
Điều 20. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ .....	20
<b>Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ.....</b>	<b>21</b>
Điều 22. Biên bản họp ĐHĐCĐ .....	23
Điều 23. Hiệu lực của Nghị Quyết và yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ .....	24
<b>CHƯƠNG VII.....</b>	<b>24</b>
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>24</b>
Điều 24. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT .....	24
Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT .....	25
Điều 26. Chủ tịch HĐQT .....	27
Điều 27. Các cuộc họp của HĐQT .....	28
Điều 28. Biên bản họp HĐQT .....	30
<b>CHƯƠNG VIII.....</b>	<b>31</b>
<b>TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ THƯ KÝ CÔNG TY .....</b>	<b>31</b>
Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý .....	31
Điều 30. Trách nhiệm của người quản lý Công ty .....	31
Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của TGĐ .....	31
Điều 32. Thư ký Công ty .....	33
<b>CHƯƠNG IX.....</b>	<b>33</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>33</b>
Điều 33. Ban kiểm soát: .....	33
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ BKS .....	34
Điều 35. Trách nhiệm của BKS .....	35
<b>CHƯƠNG X .....</b>	<b>36</b>
<b>TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TGĐ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>36</b>
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	36
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	36
<b>CHƯƠNG XI.....</b>	<b>38</b>

<b>QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>38</b>
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ .....	38
<b>CHƯƠNG XII.....</b>	<b>38</b>
<b>TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ KHÁC .....</b>	<b>38</b>
<b>VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG .....</b>	<b>38</b>
Điều 39. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội khác .....	38
Điều 40. Người lao động .....	38
<b>CHƯƠNG XIII.....</b>	<b>38</b>
<b>PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....</b>	<b>38</b>
Điều 41. Phân phối lợi nhuận .....	38
<b>CHƯƠNG XIV.....</b>	<b>39</b>
<b>TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.</b>	<b>39</b>
Điều 42. Tài khoản ngân hàng .....	39
Điều 43. Năm tài chính .....	39
Điều 44. Chế độ kế toán .....	39
<b>CHƯƠNG XV .....</b>	<b>40</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>	<b>40</b>
Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....	40
<b>CHƯƠNG XVI.....</b>	<b>40</b>
<b>KIỂM TOÁN CÔNG TY .....</b>	<b>40</b>
Điều 46. Kiểm toán .....	40
<b>CHƯƠNG XVII .....</b>	<b>40</b>
<b>DẤU CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>40</b>
Điều 47. Dấu Công ty .....	40
<b>CHƯƠNG VIII.....</b>	<b>41</b>
<b>CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ .....</b>	<b>41</b>
Điều 48. Tạm ngưng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt hoạt động.....	41
Điều 49. Thanh lý .....	41
<b>CHƯƠNG XIX.....</b>	<b>42</b>
<b>GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....</b>	<b>42</b>
Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	42



<b>CHƯƠNG XX .....</b>	43
<b>BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ .....</b>	43
Điều 51. Điều lệ công ty.....	43
<b>CHƯƠNG XXI.....</b>	43
<b>NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	43
Điều 52. Ngày hiệu lực .....	43

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 dựa trên:

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được thay đổi theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2023 của ĐHĐCĐ;
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đầu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành;
- Tờ trình số 03/TTr-HĐQT ngày 21 tháng 03 năm 2023 về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty Cổ phần Vật tư Bến Thành của HĐQT.

## CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. “**Công ty**” là Công ty Cổ phần Vật tư Bến Thành;
  - b. “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập Công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - c. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
  - d. “**Ngày thành lập**” là ngày Công ty được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
  - đ. “**Người quản lý**” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc;
  - e. “**Người điều hành doanh nghiệp**” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng, Phó các phòng ban được Tổng Giám đốc bổ nhiệm theo từng thời điểm.
  - g. “**Người có liên quan**” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
  - h. “**Việt Nam**” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - i. “**ĐHĐCĐ**” là chữ viết tắt của Đại hội đồng cổ đông;
  - k. “**HĐQT**” là chữ viết tắt của Hội đồng quản trị;
  - l. “**BKS**” là chữ viết tắt của Ban kiểm soát;

- m. “**TGD**” là chữ viết tắt của Tổng Giám đốc.
- n. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác;
- o. “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- 2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
- 4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **CHƯƠNG II**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty

Tên tiếng Việt	<b>CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BÉN THANH</b>
Tên tiếng Anh	BEN THANH MATERIAL JOINT STOCK COMPANY
Tên giao dịch	SUNIMEX-MATERIAL
Tên viết tắt	SUNIMEX-MATERIAL
Biểu tượng Công ty	

2. Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

Địa chỉ	: 33 Yersin, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Điện thoại	: (028) 3914 2686.
Fax	: (028) 3914 2685.
E-mail	: phcvattubt@gmail.com
Website	: <a href="http://www.sunimex-material.com.vn">www.sunimex-material.com.vn</a>

4. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu, hoạt động của Công ty phù hợp với Nghị quyết hoặc quyết định HĐQT và trong phạm vi luật cho phép.

6. Thời hạn và phạm vi hoạt động :

a. Trừ trường hợp chấm dứt hoạt động theo quy định pháp luật, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

b. Công ty có phạm vi hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và nước sở tại nơi đặt chi nhánh và văn phòng đại diện.

7. Các Chi nhánh Công ty:

7.1. Công ty Cổ phần Vật Tư Bến Thành – Chi nhánh Bình Chiểu.

- Địa chỉ: Lô A5, Khu Công Nghiệp Bình Chiểu, đường số 1, Phường Bình Chiểu, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mã số doanh nghiệp: 0302239482-009.

7.2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Vật Tư Bến Thành – Trung Tâm Thương Mại Yersin.

- Địa chỉ: 35-37 Yersin, Phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mã số doanh nghiệp: 0302239482-004.

### CHƯƠNG III

#### MỤC TIÊU, NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH CỦA CÔNG TY

##### Điều 3. Mục tiêu

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh nhằm tối đa hóa lợi nhuận của Công ty, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, tích lũy tái đầu tư để phát triển, góp phần giải quyết việc làm và đảm bảo đời sống của Người lao động, nâng cao hiệu quả kinh tế xã hội, đồng thời làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

##### Điều 4. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu lương thực, thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở)	4632
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu vải sợi	4641
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649

STT	Tên ngành	Mã ngành
	Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu các mặt hàng gia dụng, kim khí điện máy	
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu thiết bị phụ tùng	4659
5	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu chất đốt, khí hóa lỏng (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
6	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu sắt thép	4662 (chính)
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng	4663
8	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Kinh doanh, xuất nhập khẩu công nghệ phẩm, vật tư nông lâm ngư nghiệp, phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh) (không tồn trữ hóa chất), nhựa, giấy các loại	4669
9	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu	5229
10	Sản xuất khác chưa biết phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, gia công các loại vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng (không hoạt động tại trụ sở)	3290
11	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa. Đại lý kinh doanh xăng dầu	4610
12	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng	4100
13	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp – đô thị	4210
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, văn phòng, nhà ở. Mua bán nhà	6810
15	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ôtô theo hợp đồng	4933

STT	Tên ngành	Mã ngành
16	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ôtô theo hợp đồng	4932
17	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Dịch vụ cho thuê xe	7710
18	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Bán buôn ô tô đầu kéo	4511
19	Trồng cây điều	0123
20	Trồng cây cao su	0125
21	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)	5510
22	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
23	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới.	5621
24	Dịch vụ ăn uống khác	5629
25	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
26	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty bổ sung theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ được tự động cập nhật vào Điều lệ này.

#### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được ĐHĐCĐ thông qua.

## CHƯƠNG IV

### VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 VND (Hai mươi tỷ đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.000.000 cổ phần (Hai triệu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng\cổ phần).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông Công ty. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành thêm các loại cổ phần sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT của Công ty quyết định. HĐQT có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Điều 132, 133, 134 Luật doanh nghiệp. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, theo Điều 132, 133, 134 Luật doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

8. Quy định về vốn điều lệ tại khoản 1 của điều này được tự động điều chỉnh tăng hoặc giảm vào Điều lệ sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

#### **Điều 7. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần**

1. Cổ đông của Công ty được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi số hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần phải bao gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 1, Điều 121 của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo

điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc bất kỳ một khoản chi phí nào khác.

4. Trường hợp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phần đó có thể yêu cầu được cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới với điều kiện phải đưa ra thông tin, cam kết về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm:

a. Thông tin về giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.

b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại giấy chứng nhận sở hữu cổ phần mới.

#### **Điều 8. Sổ đăng ký cổ đông**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông trong trường hợp cổ phiếu chưa lên sàn giao dịch chứng khoán hoặc Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của cổ đông Công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu khoản 2, Điều 122 Luật doanh nghiệp.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ này.

#### **Điều 9. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thu chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

#### **Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ phần không được chuyển nhượng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

5. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ (thực hiện theo quy trình và quy định của pháp luật). Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

7. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 8 Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

## CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

## CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp ĐHĐCD và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cổ đông gửi phiếu biểu quyết bằng thư, fax, thư điện tử chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp ĐHĐCD. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo Nghị quyết của ĐHĐCD;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp ĐHĐCĐ và Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty.

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần từ 5 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:

a. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này;

b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của BKS, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần từ 10 % tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào HĐQT, BKS theo quy định tại khoản 4 Điều 24 và Khoản 4 Điều 33 Điều lệ này;

6. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty làm đại diện cho mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
4. Cung cấp chính xác thông tin của cổ đông cho Công ty khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi có sự thay đổi bất cứ thông tin về tên, địa chỉ liên lạc, giấy tờ pháp lý, số điện thoại liên hệ, mã số thuế, số tài khoản, ... của cổ đông là cá nhân hoặc cổ đông là tổ chức.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
7. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
8. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

### **Điều 14. Cuộc họp và triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm (01) một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể gia hạn theo quyết định của HĐQT trong trường hợp cần thiết nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. HĐQT tổ chức triệu tập họp ĐHĐCD thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCD thường niên thảo luận và thông qua những vấn đề theo quy định tại Khoản 3, Điều 139 Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCD thường niên và bất thường. HĐQT triệu tập họp bất thường ĐHĐCD trong các trường hợp sau:

a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và quy định trong Điều lệ này.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCD bằng văn bản.

d. Theo yêu cầu của BKS.

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCD trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm a, c, d khoản 3 Điều này. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định tại khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định thì BKS phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định tại khoản 5 Điều 14 thì cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm c khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền triệu tập họp ĐHĐCD theo quy định tại Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e. Xác định thời gian và địa điểm họp;

g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

h. Công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 Điều này sẽ được công ty hoàn lại nhưng chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

9. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. ĐHĐCĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Thông qua kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm;
- c. Thông qua báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT;
- d. Thông qua báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, TGĐ;
- đ. Thông qua báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng kiểm soát viên;
- e. Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- g. Số lượng thành viên của HĐQT, BKS;
- h. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty; bãi nhiệm kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết.
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- k. Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho HĐQT, BKS;
- l. Quyết định bổ sung, sửa đổi Điều lệ, phê duyệt quy chế hoạt động của HĐQT, BKS Công ty;
- m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o. Quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty;
- p. Xem xét xử lý vi phạm của thành viên HĐQT, BKS gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông của Công ty;
- q. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản Công ty có giá trị từ 35% trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- r. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- s. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

t. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và quy định của Luật doanh nghiệp.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp thông qua các hợp đồng quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng.

#### **Điều 16. Thực hiện quyền dự họp ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức cổ thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo theo mẫu của Công ty và đúng theo quy định của pháp luật về dân sự, phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, người được ủy quyền dự họp và con dấu;

c. Trường hợp cổ đông là tổ chức thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và con dấu của tổ chức là cổ đông Công ty và người được ủy quyền dự họp.

d. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCD hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thông báo mời họp và chương trình họp ĐHĐCD**

1. HĐQT triệu tập ĐHĐCD hoặc ĐHĐCD được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c, khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập ĐHĐCD phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCD được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCD; Chuẩn bị chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

3. Thông báo mời họp ĐHĐCD được gửi cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo mời họp ĐHĐCD phải được gửi chậm nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày họp ĐHĐCD, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCD, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCD, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCD. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCD. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCD có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 4 Điều 18 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, kiến nghị cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCD bàn bạc và thông qua;

6. HĐQT phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp, trừ trường hợp họp ĐHĐCD không do HĐQT triệu tập.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc tham dự thông qua đại diện được ủy quyền tại ĐHĐCD, những quyết định được ĐHĐCD nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCD không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

8. Người triệu tập họp ĐHĐCD phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCD chấp thuận.

#### **Điều 18. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCD**

1. Cuộc họp ĐHĐCD được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu bầu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCD lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu bầu quyết trở lên;

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp ĐHĐCD lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu bầu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có ĐHĐCD mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 19. Thủ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCD**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCD và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCD do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều hành để ĐHĐCD bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCD điều hành để ĐHĐCD bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. ĐHĐCD bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu và Ban giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCD thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. ĐHĐCD thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý

kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trực xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

#### **Điều 20. Thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ**

1. ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4, 5 và 6 của Điều này:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ. Tỏ chức lại, giải thể Công ty;

3. Ngoài những quy định tại Khoản 2 Điều này thì nghị quyết của ĐHĐCĐ về các vấn đề, khác quy định tại Khoản 2 điều này có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại

cuộc họp ĐHĐCD hoặc lấy ý kiến bằng văn bản trong trường hợp HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 2, 5 và khoản 6 Điều này;

5. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu (x) nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ này.

6. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của ĐHĐCD được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

#### **Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCD**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCD được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của ĐHĐCD khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, Điều 20 của Điều lệ này.

2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCD, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 17 của Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại khoản 3, Điều 17 của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế của Công ty;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy CMND/CCCD, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở tổ chức, mã số thuế, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gởi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

d. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

6. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cỗ đồng bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCD.

## Điều 22. Biên bản họp ĐHĐCD

1. Cuộc họp ĐHĐCD phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCD;
- c. Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
- e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và thư ký.

2. Trường hợp Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

3. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Biên bản họp ĐHĐCD phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

5. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

6. Biên bản họp ĐHĐCD phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Biên bản họp ĐHĐCD, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 23. Hiệu lực của Nghị Quyết và yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ**

1. Nghị quyết của ĐHĐCĐ có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại Nghị quyết đó.

2. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua Nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

b. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

4. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 3 Điều này, thì các Nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

## **CHƯƠNG VII**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 24. Cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

c. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty khác;

2. Số lượng thành viên HĐQT từ 3 (ba) đến 5 (năm) người. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể do ĐHĐCĐ quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên HĐQT cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề

cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 50% đến dưới 70% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; và từ 70% trở lên được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ này. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT đương nhiệm đề cử ứng cử viên HĐQT phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp nhận;

c. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của HĐQT liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của HĐQT và HĐQT quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

d. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của ĐHĐCĐ.

7. HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới phải được sự chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

8. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường để bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu (là 03 thành viên) theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Điều lệ này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm theo quy định này.

b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

9. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật hiện hành.

## **Điều 25. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐQT**

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;
- e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư thuộc thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở xuống trên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty. Trường hợp các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan thì thực hiện theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 138 và khoản 1, khoản 3, Điều 167 Luật doanh nghiệp.
- i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với TGĐ, Phó TGĐ, Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người được bổ nhiệm đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc ĐHĐCĐ ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó.
- k. Giám sát, chỉ đạo TGĐ và những người điều hành doanh nghiệp trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty (trừ Điều lệ, Quy chế hoạt động HĐQT, BKS), quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết;
- n. Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên ĐHĐCĐ;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- q. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty hoặc chi nhánh; yêu cầu phá sản Công ty;
- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. HĐQT thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ này quy định. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết ĐHĐCĐ, Điều lệ này gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được hưởng thù lao, thường và lợi ích khác. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của Thành viên HĐQT, BKS và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên HĐQT, BKS theo nguyên tắc nhất trí hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. Tổng mức thù lao cho HĐQT, BKS do ĐHĐCĐ quyết định theo điểm k, khoản 2, Điều 15 của Điều lệ này.

6. Thành viên HĐQT được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

7. Thù lao của từng thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

8. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên HĐQT.

a. Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu các thành viên HĐQT khác hoặc Người điều hành doanh nghiệp cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

b. Người được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT.

## Điều 26. Chủ tịch HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty có thể kiêm nhiệm TGĐ, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp.

3. Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;
- c. Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

d. Chủ tọa cuộc họp HĐQT;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch HĐQT chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

### **Điều 27. Các cuộc họp của HĐQT**

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

2. HĐQT họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên HĐQT;

b. Có đề nghị của TGĐ hoặc ít nhất 05 (năm) Người điều hành doanh nghiệp khác;

c. Có đề nghị của BKS

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp HĐQT theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT.

6. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các BKS như đối với các thành viên HĐQT. BKS có quyền dự các cuộc họp HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành

viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.

9. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bô phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

### 13. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b, khoản 13 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết.

b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

c. Theo quy định tại điểm d, khoản 13 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ toạ cuộc họp quyết định. Phán quyết của chủ toạ liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ.

d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b, khoản 4 Điều 36 Điều lệ này được coi là có lợi ích chính đáng trong hợp đồng đó.

14. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có

lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như Nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

16. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên HĐQT tham gia cuộc họp.

## **Điều 28. Biên bản họp HĐQT**

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng thành viên tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, g và h tại khoản 2 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

3. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp HĐQT. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về

thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## CHƯƠNG VIII

### TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

#### **Điều 29. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có TGĐ, Phó TGĐ và Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng Nghị quyết, quyết định HĐQT.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích khác đối với chức danh TGĐ, Phó TGĐ, Kế Toán trưởng do HDQT quyết định.

#### **Điều 30. Trách nhiệm của người quản lý Công ty**

1. Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, TGĐ và người điều hành doanh nghiệp có trách nhiệm sau đây:

a. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT;

b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp;

2. Thành viên HĐQT, TGĐ và người điều hành doanh nghiệp vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

#### **Điều 31. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn của TGĐ**

1. HĐQT bổ nhiệm (01) một thành viên HĐQT hoặc thuê người khác làm TGĐ.

TGĐ phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

2. TGĐ là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của TGĐ không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. TGĐ có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d. Tổ chức thực hiện các giải pháp phát triển thị trường, quảng cáo, tiếp thị và công nghệ khuyến khích mở rộng các hoạt động sản xuất kinh doanh;
- e. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh khác trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT;
- g. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với Người lao động trong Công ty, kể cả người điều hành doanh nghiệp thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGĐ;
- i. Tuyển dụng lao động;
- k. Quyết định thành lập, sáp nhập, giải thể các phòng ban chức năng theo định hướng hoạt động của Công ty;
- l. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- m. Kiến nghị phân bổ, sử dụng lợi nhuận sau thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
- n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của HĐQT.

4. TGĐ phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của HĐQT. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì TGĐ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. TGĐ có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó TGĐ hoặc người khác thực hiện một số công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.

### **Điều 32. Thư ký Công ty**

TGĐ quyết định bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Hỗ trợ, chuẩn bị tổ chức triệu tập họp ĐHĐCD, HĐQT theo yêu cầu của HĐQT;
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp ĐHĐCD, HĐQT;
- 3 Tham dự các cuộc họp ĐHĐCD, HĐQT và ghi chép các biên bản họp;
4. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
5. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
6. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;
7. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
8. Quyền và nghĩa vụ khác theo sự phân công của HĐQT, TGĐ;
9. Mức lương, thù lao và lợi ích khác của thư ký Công ty do TGĐ quyết định.

## **CHƯƠNG IX**

### **BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 33. Ban kiểm soát**

1. BKS do ĐHĐCD bầu. Số lượng thành viên BKS của Công ty là 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của thành viên BKS không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. BKS phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng BKS phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Trưởng BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp BKS;
- b. Yêu cầu HĐQT, TGĐ và những người điều hành doanh nghiệp cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS;
- c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCD.

4. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên BKS. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 35% đến dưới 70% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; và từ 70% trở lên được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên.

5. Trường hợp BKS có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà BKS nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì BKS đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi BKS nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ

6. DHĐCD miễn nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

7. DHĐCD bãi nhiệm thành viên BKS trong trường hợp sau đây:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này;

d. Trường hợp khác theo nghị quyết DHĐCD.

#### **Điều 34. Quyền và nghĩa vụ BKS**

1. BKS thực hiện giám sát HĐQT, TGĐ trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCD thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCD và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCD.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết DHĐCD hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông tại điểm c khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc

kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCD biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, TGĐ vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCD, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCD.

12. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:

- a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
- b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT;
- c. Báo cáo của TGĐ trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

13. BKS có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

14. HĐQT, thành viên HĐQT, TGĐ, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của BKS.

15. BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của ĐHĐCD. ĐHĐCD quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của BKS;

16. BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCD chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCD có quyết định khác;

17. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết ĐHĐCD.

### **Điều 35. Trách nhiệm của các thành viên BKS**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết ĐHĐCD và đạo đức nghề nghiệp

trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác do vi phạm có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

## CHƯƠNG X

### TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, THÀNH VIÊN BKS, TGĐ VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

#### Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Người quản lý, thành viên BKS và người điều hành doanh nghiệp không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Người quản lý, thành viên BKS và người điều hành doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

3. Trừ trường hợp các giao dịch được ĐHĐCĐ chấp thuận, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các Người quản lý, thành viên BKS hoặc người điều hành doanh nghiệp và các cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều Người quản lý, thành viên BKS hoặc người điều hành doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà Người quản lý, thành viên BKS và người điều hành doanh nghiệp hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hóa trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý hoặc người điều hành doanh nghiệp đã được báo cáo cho HĐQT hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Người quản lý hoặc người điều hành doanh nghiệp đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HDQT hoặc một tiểu ban trực thuộc HDQT hay các cổ đông cho phép thực hiện.

Người quản lý, thành viên BKS hoặc người điều hành doanh nghiệp và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

### **Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Người quản lý, thành viên BKS hoặc người điều hành doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là Người quản lý, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách Người quản lý, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, người quản lý, thành viên BKS, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## CHƯƠNG XI

### QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

#### **Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.
2. Người quản lý, thành viên BKS và người điều hành doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết DHDCD và HDQT, biên bản họp DHDCD và HDQT, các báo cáo của HDQT, các báo cáo của BKS, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

## CHƯƠNG XII

### TỔ CHỨC ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ KHÁC VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

#### **Điều 39. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị xã hội khác**

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Công ty.
2. Công ty tôn trọng và có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ và điều lệ Công ty. Đảm bảo mục tiêu hiệu quả kinh doanh và định hướng xã hội chủ nghĩa.

#### **Điều 40. Người lao động**

TGD quản lý điều hành người lao động tuân thủ các quy định pháp luật lao động, thỏa ước lao động tập thể và tạo điều kiện để tổ chức công đoàn hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIII

### PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

#### **Điều 41. Phân phối lợi nhuận**

1. DHDCD quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, HĐQT thông qua Nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XIV

### TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

#### Điều 42. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng (01) Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### Điều 44. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

## CHƯƠNG XV

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

#### Điều 45. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính tháng, quý, năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty thực hiện công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật (nếu có).

4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

## CHƯƠNG XVI

### KIỂM TOÁN CÔNG TY

#### Điều 46. Kiểm toán

ĐHĐCD thường niên chỉ định một Công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các Công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho HĐQT quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với HĐQT. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

## CHƯƠNG XVII

### DẤU CỦA CÔNG TY

#### Điều 47. Dấu Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Người đại diện pháp luật quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty (nếu có) theo quy

định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ này hoặc quy chế của Công ty. HĐQT, TGĐ sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG VIII

### CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

#### **Điều 48. Tạm ngưng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt hoạt động.**

1. Công ty phải thông báo bằng văn bản cho Cơ quan đăng ký kinh doanh chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày tạm ngừng kinh doanh hoặc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu Công ty tạm ngừng, đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh trong trường hợp sau đây:

a. Tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi phát hiện doanh nghiệp không có đủ điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật;

b. Tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan;

c. Đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một, một số ngành, nghề kinh doanh hoặc trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án.

3. Trong thời gian tạm ngừng kinh doanh, Công ty phải nộp đủ số thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp còn nợ; tiếp tục thanh toán các khoản nợ, hoàn thành việc thực hiện hợp đồng đã ký với khách hàng và người lao động, trừ trường hợp Công ty, chủ nợ, khách hàng và người lao động có thỏa thuận khác.

4. Công ty có thể bị giải thể trong trường hợp sau:

a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật quản lý thuế có quy định khác;

b. Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCD;

c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời gian 6 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

5. Trình tự, thủ tục giải thể hoặc chấm dứt hoạt động Công ty được thực hiện theo quy định tại Luật doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 49. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do ĐHĐCD chỉ định và một (01) thành viên do HĐQT chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty

hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- đ. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) được ưu tiên thanh toán trước.

## CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

### Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Người quản lý, BKS, hoặc người điều hành doanh nghiệp. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu BKS chỉ định một chuyên gia hoặc một tổ chức độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

### **Điều 51. Điều lệ công ty**

- Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định.
- Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

### **Điều 52. Ngày hiệu lực**

- Bản Điều lệ này gồm 21 (hai mươi một) Chương, 52 (năm mươi hai) Điều được ĐHĐCĐ Công ty Cổ Phần Vật Tư Bến Thành nhất trí thông qua ngày 21 tháng 04 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
- Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở của Công ty.
- Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT hoặc chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**VŨ BẢO PHONG**